

ĐỀ ÁN

HỢP NHẤT TỈNH QUẢNG NAM VÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (viết tắt là ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp ĐVHC, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sau khi phối hợp với UBND tỉnh Quảng Nam, UBND thành phố Đà Nẵng kính trình Chính phủ Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐVHC CẤP TỈNH**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

a) Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

b) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

c) Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

d) Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

đ) Thông báo số 165-TB/VPTW ngày 08/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm, làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam.

e) Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 18/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam về sắp xếp, sáp nhập tổ chức đảng, ĐVHC cấp xã, cấp tỉnh.

g) Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 22/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng khóa XXII về hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ pháp lý

a) Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

b) Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

c) Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

d) Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp ĐVHC, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

đ) Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

e) Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

g) Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Nam về việc tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh;

h) Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Sau khi hoàn thành các nội dung công việc theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị *về sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh*, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập ĐVHC cấp xã, ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thống nhất việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh tại Nghị quyết số 60-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 11, theo đó *“Hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, lấy tên là thành phố Đà Nẵng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Đà Nẵng hiện nay”*.

Việc hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh đã trở thành *“yêu cầu cấp thiết nhằm mở rộng dư địa tăng trưởng, tái cấu trúc không gian phát triển và bộ máy quản lý*

cho phù hợp với tầm nhìn dài hạn. Đây là một cuộc cách mạng, là bước đột phá về thể chế, chuẩn bị cho “Tầm nhìn trăm năm” phát triển đất nước” như nội dung phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm, làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam ngày 28/3/2025.

Chủ trương tổ chức cải cách bộ máy hành chính, sắp xếp địa giới hành chính lần này nhằm tái định vị không gian phát triển tự nhiên và kinh tế, gắn với lịch sử, văn hoá, địa lý để hình thành một thực thể hành chính - kinh tế có quy mô đủ lớn, từ đó mở rộng tầm phát triển đi đôi với đổi mới, nâng cao năng lực quản trị đủ mạnh, có sức cạnh tranh cao để hội nhập chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu. Việc hợp nhất tạo điều kiện để thành phố Đà Nẵng (mới) phát triển đồng đều hơn, hình thành các trung tâm kinh tế mới có sức cạnh tranh cao hơn ở cả tầm khu vực và quốc tế. Đồng thời, công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy giúp giảm tầng nấc quản lý, rút ngắn quy trình xử lý công việc, giảm chi phí thường xuyên, tái phân bổ nguồn lực, tập trung nguồn lực cho những lĩnh vực ưu tiên. Quan trọng hơn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy để hướng tới mục tiêu hình thành chính quyền số, quản trị số, phát triển đô thị thông minh, vùng kinh tế tích hợp và hành chính linh hoạt giúp giao dịch hành chính được xử lý nhanh, minh bạch, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu cấp thiết của thời đại, là cơ hội lịch sử; phù hợp về tính văn hóa, lịch sử; đảm bảo cho tương lai nhằm mở rộng không gian phát triển, cùng nhau tạo ra sức mạnh bền vững, phát huy thế mạnh của hai địa phương, cùng quy hoạch với tầm nhìn dài hạn, cùng chia sẻ lợi ích, trách nhiệm và khát vọng phát triển xây dựng thành phố Đà Nẵng (mới) trở thành một cực tăng trưởng của Việt Nam, có năng lực cạnh tranh cao của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trở thành một trung tâm kinh tế, văn hoá, đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực. Sau hợp nhất thành phố Đà Nẵng (mới) tiếp tục phấn đấu xây dựng thành phố đáng sống, xây dựng vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng phát triển, xứng tầm quốc gia quốc tế.

Việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng là hết sức cần thiết nhằm thực hiện đúng chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 60-NQ/TW và tạo điều kiện tập trung các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung mở rộng sản xuất, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành 01 ĐVHC cấp tỉnh mới đảm bảo hướng đến hình thành và xây dựng một thành phố Đà Nẵng mới là thành phố đáng sống, không chỉ đối với người dân mà còn đáng sống với nhà đầu tư, người tài và giới tinh hoa, tiếp tục giữ gìn và phát huy bản sắc con người xứ Quảng “Trung dũng, kiên cường, sáng tạo, nhân văn” gắn với giáo dục văn hoá truyền thống, xây dựng con người thành phố hiện đại, giàu bản sắc, nhân văn, sáng tạo, tri thức cao, văn hoá cao, thu nhập cao, quản trị cao, chất lượng sống cao.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, SẮP NHẬP

1. Tỉnh Quảng Nam

Năm 1806 vua Gia Long lên ngôi. Về hành chính, vua chia đất nước thành 23 trấn và 4 doanh thuộc đất kinh kỳ gồm Trực Lệ - Quảng Đức, Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam. Năm 1831, vua Minh Mạng đổi trấn và doanh thành tỉnh. Quảng Nam chính thức trở thành tỉnh từ năm này. Tỉnh Quảng Nam được chia thành 2 phủ: Thăng Bình (trước là Thăng Hoa) và Điện Bàn. Năm 1888, dưới triều vua Thành Thái, Đà Nẵng bị tách khỏi Quảng Nam để trở thành đất nhượng địa của thực dân Pháp.

Sau Hiệp định Geneve, năm 1962, tỉnh Quảng Nam chia thành hai tỉnh mới là tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Tín lấy sông Rù Rì (tên gọi khác của sông Ly Ly) làm ranh giới. Tỉnh Quảng Nam ở phía Bắc sông Rù Rì gồm chín quận. Tỉnh Quảng Tín, từ sông Ly Ly vào đến Dốc Sỏi (ranh giới giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi), gồm 6 quận.

Từ tháng 10/1975, Ủy ban Cách mạng Khu V thực hiện chủ trương hợp nhất tỉnh Quảng Nam và Đặc Khu Quảng Đà để thành lập tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có 14 đơn vị hành chính gồm thành phố Đà Nẵng (tỉnh lỵ), thị xã Hội An và 12 huyện.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, trong đó có quyết định chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương kể từ ngày 01/01/1997. Tỉnh Quảng Nam mới có 14 huyện.

Từ năm 1996 đến nay các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Nam có một số thay đổi (thành lập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã mới, điều chỉnh địa giới ĐVHC cấp huyện, cấp xã). Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 1241/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2025, tỉnh Quảng Nam có 17 ĐVHC cấp huyện (gồm 14 huyện, 01 thị xã và 02 thành phố) và 233 ĐVHC cấp xã (gồm 190 xã, 29 phường và 14 thị trấn).

2. Thành phố Đà Nẵng

Năm 1888, dưới triều vua Thành Thái, Đà Nẵng tách khỏi Quảng Nam để trở thành đất nhượng địa của thực dân Pháp. Sau Cách mạng Tháng 8/1945, thành phố Đà Nẵng là 01 ĐVHC độc lập; buổi đầu mang tên Thái Phiên, sau đó thành phố trở lại với tên cũ là Đà Nẵng. Năm 1946, lần đầu tiên cử tri thành phố Đà

Năng được thực hiện quyền bầu cử để bầu đại biểu Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 01/1946) và bầu HĐND các cấp (tháng 02/1946). Sau khi bầu HĐND thành phố, thành phố Đà Nẵng chia thành 7 khu phố, đảo Hoàng Sa là 01 ĐVHC cấp xã trực thuộc thành phố Đà Nẵng. Tháng 12/1946, khi Pháp chiếm lại thành phố Đà Nẵng, thành phố được sáp nhập từ 07 khu phố thành 03 khu phố. Từ tháng 4/1950, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tách thành 02 ĐVHC tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, đến tháng 3/1952 lại được sáp nhập thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng như cũ cho đến tháng 7/1954. Tháng 10/1962, Liên khu V quyết định chia tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Đà và tỉnh Quảng Nam; đến năm 1964 thì thành phố Đà Nẵng được tách ra khỏi tỉnh Quảng Đà. Từ tháng 11/1967, Khu ủy V ra quyết định hợp nhất tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng thành Đặc khu Quảng Đà. Đà Nẵng được phân thành 3 quận là Quận I, Quận II và Quận III.

Ngày 04/10/1975, UBND Cách mạng Lâm thời khu Trung Trung bộ ra Quyết định số 119/QĐ về việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sau đó, theo chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 30/8/1977, Chính phủ ra Quyết định số 228/TTg về việc hợp nhất Quận I, Quận II và Quận III thành lập thành phố Đà Nẵng trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngày 10/02/1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng ra quyết định sáp nhập các Quận I, II, III thành thành phố Đà Nẵng, với 28 phường trực thuộc. Đối với quần đảo Hoàng Sa, ngày 09/12/1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định về việc tổ chức quần đảo Hoàng Sa thành huyện đảo Hoàng Sa, thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Thành phố Đà Nẵng là 01 thành phố trực thuộc tỉnh với 26 phường trực thuộc.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, trong đó có quyết định chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương kể từ ngày 01/01/1997. Theo đó, ngày 23/01/1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 7/1997/NĐ-CP về việc thành lập đơn vị hành chính trực thuộc thành phố Đà Nẵng; theo đó, thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương gồm có 07 đơn vị hành chính cấp huyện với 47 đơn vị hành chính cấp xã (33 phường và 14 xã). Từ năm 2005, căn cứ Nghị định số 24/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 và Nghị định số 102/2005/NĐ-CP của Chính phủ, thành phố Đà Nẵng có 08 ĐVHC cấp huyện (gồm 06 quận, 02 huyện) và 56 ĐVHC cấp xã (45 phường, 11 xã).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 1251/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của thành phố Đà Nẵng. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2025, thành phố Đà Nẵng có 08 ĐVHC cấp huyện (gồm 06 quận và 02 huyện) và 47 ĐVHC cấp xã (gồm 36 phường và 11 xã).

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Tỉnh Quảng Nam

1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Quảng Nam là tỉnh thuộc duyên hải miền Trung, nằm ở vị trí trung độ của Việt Nam; phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía đông giáp biển Đông. Tỉnh Quảng Nam có đường biên giới Việt Nam - Lào đoạn qua tỉnh Quảng Nam - Việt Nam và tỉnh SêKooong - Lào dài trên 157 km. Với vị trí địa lý, Quảng Nam là tỉnh có điều kiện thuận lợi trong quan hệ, giao lưu kinh tế, văn hóa với các địa phương trong nước và các nước láng giềng. Tỉnh Quảng Nam có sân bay, cảng biển, đường sắt và quốc lộ; có hai thành phố trực thuộc, vừa có núi, có biển với bờ biển dài 125 km; có 2 di sản văn hóa thế giới là Khu Di tích Mỹ Sơn và phố cổ Hội An cùng Cù Lao Chàm là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

1.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích tự nhiên¹: 10.574,87 km².

b) Quy mô dân số²: 1.747.147 người.

c) Số lượng ĐVHC trực thuộc

- Số lượng ĐVHC cấp huyện: 17 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 01 thị xã, 14 huyện).

- Số lượng ĐVHC cấp xã: 233 đơn vị hành chính cấp xã (190 xã, 14 thị trấn, 29 phường).

- Căn cứ theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Nam năm 2025, dự kiến tỉnh Quảng Nam không còn ĐVHC cấp huyện, số lượng ĐVHC cấp xã trực thuộc tỉnh Quảng Nam là 78 ĐVHC cấp xã (gồm 11 phường và 67 xã).

1.3. Chức năng, vai trò

Tỉnh Quảng Nam là một địa phương nằm ở khu vực miền Trung Việt Nam, có vai trò và chức năng quan trọng trên nhiều phương diện: kinh tế, văn hóa, lịch sử và quốc phòng:

a) Về kinh tế: Tỉnh Quảng Nam là một trong những trung tâm phát triển kinh tế của khu vực miền Trung, với các khu công nghiệp lớn như Khu kinh tế mở Chu Lai. Phát triển công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp: Công nghiệp: cơ khí, ô tô (Trường Hải - THACO), điện tử, may mặc; nông nghiệp trồng lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi; dịch vụ và du lịch ngày càng phát triển mạnh

¹ Công văn số 368/STNMT-VPĐK ngày 13/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Quảng Nam về việc cung cấp số liệu phục vụ xây dựng hợp phần quy hoạch ĐVHC

² Công văn số 417/CAT-PC06 ngày 17/02/2025 của Công an tỉnh Quảng Nam về việc cung cấp số liệu phục vụ xây dựng hợp phần quy hoạch ĐVHC

mẽ nhờ lợi thế về di sản và cảnh quan. Đặc biệt, du lịch: tỉnh Quảng Nam là tỉnh có tiềm năng du lịch lớn với Hội An, Mỹ Sơn (di sản văn hóa thế giới), biển Cửa Đại, biển An Bàng, đảo Cù Lao Chàm...

b) Về văn hóa - xã hội: Tỉnh Quảng Nam có các Di sản văn hóa thế giới: Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn đều được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Bản sắc văn hóa đa dạng: Tỉnh Quảng Nam là nơi giao thoa giữa văn hóa Kinh, Chăm và các dân tộc thiểu số miền núi. Giáo dục - y tế - an sinh xã hội: Tỉnh đang đầu tư mạnh vào hạ tầng y tế, giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững.

c) Về lịch sử - quốc phòng: Tỉnh Quảng Nam là một vùng đất giàu truyền thống yêu nước, từng là quê hương của nhiều lãnh đạo cách mạng như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... Nằm gần sân bay thành phố Đà Nẵng, giáp Lào, có đường bờ biển dài, tỉnh Quảng Nam giữ vai trò quan trọng trong chiến lược quốc phòng - an ninh của miền Trung - Tây Nguyên.

Về kết nối và giao thông: Có Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường ven biển, cao tốc thành phố Đà Nẵng - tỉnh Quảng Ngãi đi qua. Sân bay Chu Lai đang được mở rộng để trở thành sân bay quốc tế.

1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

a) Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2024, kinh tế tỉnh Quảng Nam có nhiều chuyển biến tích cực, phục hồi và tăng trưởng trở lại với tốc độ tăng trưởng GRDP đạt khoảng 7,1%. Quy mô nền kinh tế đạt gần 128.619.299 triệu đồng, Cơ cấu GRDP khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,84%; công nghiệp - xây dựng chiếm 33,51%; dịch vụ chiếm 34,74%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 17,91%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 50,40 triệu đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 27.719.628 triệu đồng (đạt 116,92% dự toán và tăng 10,09% so với cùng kỳ), trong đó thu nội địa chiếm phần lớn.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và giao thông của tỉnh Quảng Nam qua các năm không ngừng được đầu tư, nâng cấp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh có mạng lưới giao thông đa dạng gồm Quốc lộ 1A, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, tuyến đường ven biển, đường Hồ Chí Minh và tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua. Cảng biển Kỳ Hà, sân bay Chu Lai đang được mở rộng, hướng tới trở thành trung tâm logistics và hàng không vùng. Hệ thống điện, cấp thoát nước, viễn thông cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Về đô thị, Quảng Nam có thành phố Tam Kỳ là trung tâm hành chính, Hội An là đô thị du lịch nổi tiếng thế giới, cùng nhiều đô thị loại IV, V đang được quy hoạch, phát triển theo hướng bền vững và hiện đại.

Tỉnh Quảng Nam luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ công và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Hệ thống y tế được đầu tư với nhiều bệnh viện

tuyến tỉnh, huyện và trạm y tế xã, từng bước đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh. Công tác giáo dục được quan tâm, mạng lưới trường học từ mầm non đến THPT phủ rộng toàn tỉnh với 795 trường học, chất lượng dạy và học ngày càng được cải thiện. Các chính sách hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh khó khăn được triển khai hiệu quả; tính đến cuối năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh là 4,56%, tương ứng với 20.272 hộ, giảm 1,01% so với năm 2023. Dịch vụ hành chính công được cải cách theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân tốt hơn.

b) Về quốc phòng - an ninh

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tỉnh Quảng Nam thời gian qua tiếp tục được giữ vững, ổn định. Lực lượng công an tỉnh đã triển khai hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm. Số vụ phạm pháp hình sự giảm đáng kể so với năm trước, nhiều vụ án nghiêm trọng được điều tra, xử lý kịp thời. Tỉnh cũng tăng cường các tổ công tác đặc biệt, kiểm soát tốt tình hình an ninh trật tự tại cơ sở, góp phần đảm bảo môi trường sống an toàn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Quảng Nam có đường biên giới dài khoảng 157 km tiếp giáp với tỉnh Sơn La (Việt Nam), đi qua các huyện miền núi như Nam Giang và Tây Giang. Khu vực biên giới đóng vai trò quan trọng trong chiến lược quốc phòng và an ninh, đồng thời là cầu nối hợp tác đối ngoại với nước bạn Lào. Tỉnh duy trì các đồn biên phòng như Đồn Biên phòng A Nông, Đồn Biên phòng La Ê và Đồn Biên phòng Bình Minh với nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ đường biên, mốc quốc giới và đảm bảo an ninh trật tự khu vực biên giới. Tỉnh thường xuyên tăng cường lực lượng biên phòng, tổ chức tuần tra kiểm soát, kết hợp tuyên truyền pháp luật cho người dân vùng biên. Hoạt động đối ngoại biên giới được duy trì tốt, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, ổn định, gắn với phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân.

1.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Tỉnh Quảng Nam có nhiều chính sách đặc thù nhằm phát triển kinh tế, xã hội, cũng như bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, bảo tồn di sản, hiện có một số chính sách đặc thù của tỉnh Quảng Nam:

a) Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp: Chú trọng đến việc phát triển nông nghiệp bền vững, hỗ trợ nông dân trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, cũng như hỗ trợ các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ. Chính sách khuyến khích việc xây dựng và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

b) Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch: Khuyến khích đầu tư vào phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và bảo tồn các di sản văn

hóa, như phố cổ Hội An và khu di tích Mỹ Sơn. Hỗ trợ quảng bá du lịch và phát triển cơ sở hạ tầng du lịch để thu hút du khách trong và ngoài nước.

c) Chính sách phát triển công nghiệp, thương mại: Ưu đãi về thuế, đất đai cho các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm như dệt may, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng.

d) Chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Bảo vệ môi trường, đặc biệt trong các dự án phát triển đô thị và khu công nghiệp, đồng thời khuyến khích các dự án sử dụng công nghệ xanh và tái chế. Chính sách quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ các khu vực rừng, biển và đa dạng sinh học.

đ) Chính sách hỗ trợ phát triển vùng miền núi và vùng sâu, vùng xa: Chính sách đặc thù để hỗ trợ các khu vực vùng cao, dân tộc thiểu số, như miễn giảm học phí, hỗ trợ sinh viên, các chính sách tín dụng ưu đãi cho nông dân. Phát triển cơ sở hạ tầng ở các vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

e) Chính sách thu hút đầu tư: Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm tiền thuê đất, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành ưu tiên như công nghiệp chế biến, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao.

(Phụ lục 4 đính kèm)

1.6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị

1.6.1. Tỉnh ủy Quảng Nam và các cơ quan Đảng, đơn vị sự nghiệp và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy

a) Tỉnh ủy Quảng Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025 hiện có **47/53** đồng chí *(khuyết 06 vị trí)*. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam hiện có **13/15** đồng chí³. Thường trực Tỉnh ủy Quảng Nam có **03** đồng chí gồm Bí thư Tỉnh ủy và 02 Phó Bí thư Tỉnh ủy *(Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy là Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy là Chủ tịch UBND tỉnh)*. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Nam, có **11** đồng chí gồm: Chủ nhiệm, **03** Phó Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy, 05 Ủy viên chuyên trách UBKT Tỉnh ủy và **02** Ủy viên kiêm chức UBKT Tỉnh ủy.

b) Tỉnh ủy Quảng Nam, hiện có **05** cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy *(Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy)*

c) Tỉnh ủy Quảng Nam có 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy *(Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Trường Chính trị tỉnh)*.

d) Đảng bộ tỉnh Quảng Nam hiện có **22** đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, **1.006** tổ chức cơ sở đảng (trong đó có **354** đảng bộ cơ sở, **652** chi bộ cơ sở) với

³ Khuyết 01 vị trí và 01 trường hợp đang được cấp có thẩm quyền làm thủ tục chuẩn y.

73.473 đảng viên. Có 17 đảng bộ cấp huyện (thành phố, thị xã, huyện thuộc tỉnh) với 233 đảng bộ xã, phường, thị trấn.

1.6.2. Khối chính quyền

a) Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Quảng Nam có 07 đại biểu, trong đó có 01 đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam làm Trưởng đoàn, 01 đồng chí Thành ủy viên, Phó Trưởng đoàn chuyên trách.

b) HĐND các cấp của tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tỉnh Quảng Nam tổ chức HĐND ở 03 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện (thành phố, thị xã, huyện) và cấp xã (xã, phường, thị trấn).

HĐND tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026, hiện có 48 đại biểu, trong đó có 01 Chủ tịch HĐND tỉnh (*do Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy kiêm nhiệm*) và 02 Phó Chủ tịch HĐND (*chuyên trách*). HĐND tỉnh có 04 ban trực thuộc (*Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Dân tộc*). Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam là cơ quan tương đương cấp sở, có chức năng tham mưu, giúp việc, phục vụ cho hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

HĐND các thành phố, thị xã, huyện hiện có 506 đại biểu. HĐND các xã, phường, thị trấn có 5.058 đại biểu.

c) UBND tỉnh Quảng Nam

- Cơ cấu UBND tỉnh Quảng Nam gồm Chủ tịch và 04 Phó Chủ tịch UBND; 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Quảng Nam gồm: (1) Văn phòng UBND tỉnh, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Nội vụ, (4) Sở Tư pháp, (5) Thanh tra tỉnh, (6) Sở Xây dựng, (7) Sở Nông nghiệp và Môi trường, (8) Sở Công Thương, (9) Sở Khoa học và Công nghệ, (10) Sở Giáo dục và Đào tạo, (11) Sở Y tế, (12) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (13) Sở Dân tộc và Tôn giáo⁴; 01 đơn vị đặc thù được Thủ tướng Chính phủ thành lập (*Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam*)⁵.

- Tỉnh Quảng Nam có 06 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, cụ thể: (1) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam; (2) Ban Quản lý dự án các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam; (3) Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam; (4) Trường Cao đẳng Quảng Nam; (5) Trường Đại học Quảng Nam; (6) Ban Quản lý Vườn quốc gia Sông Thanh tỉnh Quảng Nam.

⁴ 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Quảng Nam có 92 phòng chuyên môn và tương đương, 95 đơn vị sự nghiệp trực thuộc

⁵ Đơn vị có 04 phòng chuyên môn và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc

- Tỉnh Quảng Nam có 03 doanh nghiệp nhà nước: (1) Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Nam; (2) Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam; (3) Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai⁶.

d) UBND cấp huyện

- Tỉnh Quảng Nam có 17 ĐVHC cấp huyện (02 thành phố, 01 thị xã, 14 huyện), 233 ĐVHC cấp xã (190 xã, 14 thị trấn, 29 phường).

- 17 UBND cấp huyện có 159 phòng chuyên môn gồm: Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Nội vụ; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Tư pháp; Thanh tra; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Phòng Y tế; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

- 17 UBND cấp huyện có 741 đơn vị sự nghiệp.

1.6.3. Khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Nam và 05 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Thành Đoàn, Hội Cựu chiến binh và Liên đoàn lao động) được tổ chức theo cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam và 05 tổ chức chính trị - xã hội có 21 ban và văn phòng, 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

b) Tỉnh Quảng Nam có 16 hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

1.6.4. Biên chế công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao và phê duyệt năm 2025

Năm 2025, biên chế cán bộ, công chức, viên chức được giao cho tỉnh Quảng Nam là 32.187 chỉ tiêu biên chế công chức và viên chức và 5.114 chỉ tiêu định mức cán bộ, công chức phường, xã thị trấn, trong đó:

a) Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là 1.414 biên chế, gồm: 1.346 cán bộ, công chức và 68 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (tính đến ngày 10/4/2025 có mặt 1.197 công chức và 65 viên chức).

b) Khối chính quyền địa phương (gồm HĐND và UBND) cấp tỉnh, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập; hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là 30.773 biên chế, gồm: 3.089 cán bộ, công chức và 27.684 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (tính đến ngày 10/4/2025 có mặt 2.755 biên chế công chức và 24.755 viên chức nguồn NSNN và 2.438 viên chức nguồn tự chủ).

⁶ Đã có chủ trương cổ phần hóa.

c) HĐND tỉnh Quảng Nam phê duyệt số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn năm 2025 là **5.114** chỉ tiêu biên chế (*tính đến ngày 10/4/2025 có mặt 4.656 người*), có **3.161** chỉ tiêu người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn (*tính đến ngày 10/4/2025 có mặt 2.631 người*).

2. Thành phố Đà Nẵng

2.1. Vị trí địa lý

Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của Việt Nam, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, phía Bắc giáp thành phố Huế, phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía Tây giáp thành phố Huế và tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp Biển Đông. Thành phố có vị trí địa lý rất thuận lợi do nằm trên trục giao thông xuyên quốc gia cả về đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar thông qua Hành lang kinh tế Đông Tây 2 (EWEC) với điểm kết thúc là Cảng Tiên Sa.

2.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích tự nhiên⁷: 1.292,31 km².

b) Quy mô dân số⁸: 1.318.481 người.

c) Số lượng ĐVHC trực thuộc

- Số ĐVHC cấp huyện 08 đơn vị (gồm 06 quận và 02 huyện);

- Số ĐVHC cấp xã 47 đơn vị (gồm 36 và phường 11 xã).

- Căn cứ theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025, dự kiến thành phố Đà Nẵng không còn ĐVHC cấp huyện, số lượng ĐVHC cấp xã trực thuộc thành phố Đà Nẵng là 16 ĐVHC cấp xã (gồm 12 phường, 03 xã và 01 đặc khu Hoàng Sa).

2.3. Chức năng, vai trò

Ngày 16/10/2003, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (Nghị quyết 33). Sau 10 năm triển khai thực hiện, Bộ Chính trị đã chỉ đạo tổng kết và ban hành Kết luận số 75-KL/TW ngày 12/11/2013 (Kết luận 75) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 33. Việc công nhận đô thị loại I đối với thành phố Đà Nẵng và ban hành Nghị quyết 33, Kết luận 75 là sự khẳng định vai trò, vị trí của thành phố đối với sự phát triển của miền Trung và cả nước,

⁷ Công văn số 1438/SNNMT-QLKT&PTNT ngày 21/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phối hợp cung cấp số liệu về diện tích tự nhiên để xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn thành phố.

⁸ Công văn số 364/PC06-Đ2 ngày 28/02/2025 của Công an thành phố về việc cung cấp số liệu về quy mô dân số cấp huyện và cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

đồng thời là căn cứ quan trọng để thành phố xây dựng các chương trình, đề án, vận dụng sáng tạo các chủ trương, tạo sự đột phá để phát triển trong thời gian qua.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị Khoá IX về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thành phố Đà Nẵng đã có bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một thành phố năng động, sáng tạo, khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh. Kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh, tốc độ tăng giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt khoảng 9,8%/năm, GRDP bình quân đầu người tăng 6,6 lần so với năm 2003. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng, trong đó ngành Dịch vụ dẫn đầu về tỉ trọng và tốc độ tăng trưởng; dịch vụ thương mại, thông tin và truyền thông, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế đều phát triển với tốc độ cao; du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Hạ tầng kinh tế - xã hội, diện mạo đô thị thay đổi nhanh chóng và tương đối hiện đại. Đà Nẵng từng bước khẳng định vai trò là đô thị lớn, đầu tàu, động lực phát triển, trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên và của cả nước.

Ngày 24/01/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, Bộ Chính trị xác định *“Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc”*. Căn cứ đánh giá, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 13/5/2024, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 79-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XII thể hiện sự nhất quán và xuyên suốt trong quan điểm của Đảng về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của thành phố Đà Nẵng đối với vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung cả nước; khẳng định quyết tâm chính trị, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động cả ở Trung ương, vùng và thành phố Đà Nẵng trong thực hiện thành công các giải pháp và đạt được mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết số 43-NQ/TW. Kết luận số 79-KL/TW đã tạo động lực mới để Đà Nẵng tiếp tục có được những kế hoạch hành động phù hợp, đề ra những bước đi đúng

hướng với tư duy bút phá mạnh mẽ, quyết liệt hơn trong quá trình xây dựng, phát triển thành phố trong tình hình mới.

2.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

a) Về kinh tế - xã hội

“Xuất phát điểm với nhiều khó khăn, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, giao thông yếu kém, quy hoạch chưa đồng bộ, trải qua 28 năm miệt mài lao động sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đà Nẵng đã tạo nên một diện mạo mới cho thành phố Đà Nẵng, đưa thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố đáng sống, văn minh, năng động, sáng tạo, thân thiện, với nhiều thành tựu nổi bật. Kinh tế tăng trưởng liên tục với cơ cấu chuyển dịch tích cực, đúng định hướng, du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, hình thành nhiều thương hiệu cạnh tranh mang tầm khu vực và quốc tế. Đà Nẵng đã khẳng định là một trong những địa phương tiên phong đổi mới, là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư và du khách trong nước và ngoài nước. Đà Nẵng cũng đã tạo kỳ tích sông Hàn ở Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội với mô hình "năm cao": tri thức cao, văn hóa cao, thu nhập cao, quản trị cao và mức sống cao. Nét nổi bật nhất trong những thành tựu của thành phố là quy hoạch, phát triển hạ tầng, không gian đô thị được mở rộng vào loại nhì, nhiều lần, diện mạo thành phố đã hoàn toàn thay đổi và hiện đại”⁹.

- Về tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn năm 2024 đạt 151.307.026 triệu đồng, ước tăng 7,51% so với năm 2023. Giá trị gia tăng khu vực dịch vụ ước tăng 7,7%; giá trị gia tăng khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 7,7%; giá trị gia tăng khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản ước tăng 2%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP ước đạt khoảng 12,3%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 83,60 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 1,92 tỷ USD, tăng 3,2%. Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 27.197.079 triệu đồng, bằng 133,3% dự toán HĐND thành phố giao và tăng 19,9% so với năm 2023. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (giá hiện hành) ước đạt 32,85 ngàn tỷ đồng, tăng 7,2%. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội (giá 2010) đạt 4,9%; tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo (có bằng cấp chứng chỉ) đạt 49,8%; tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi 2%; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn sức lao động đến cuối năm (chuẩn thành phố) giảm còn 0,62%. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,15% dân số; tỷ suất sinh thô tăng 0,06%; số bác sĩ trên vạn dân đạt 18 bác sĩ; số giường bệnh/vạn dân đạt 74 giường. Gợi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

⁹ Bài phát biểu của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Đảng CSVN tại Lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng

- Về chính sách an sinh xã hội

Thành phố Đà Nẵng có nhiều chính sách an sinh xã hội mang đậm tính nhân văn và trở thành thương hiệu như chương trình Thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”; miễn giảm học phí cho học sinh các cấp trên địa bàn. Các dự án, công trình trên lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, các thiết chế văn hóa và giải quyết các vấn đề dân sinh được quan tâm đầu tư, đồng bộ, hiện đại. Năm 2024, thành phố đã tổ chức 41 phiên giao dịch, tạo việc làm cho 18.821 lao động; trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng cho 14.709 trường hợp với số tiền 343,922 tỷ đồng. Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện sửa chữa, xây mới nhà ở đối với người có công cách mạng năm 2024 là 496 nhà, tổng kinh phí 17,07 tỷ đồng. Vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tham gia đóng góp Quỹ Đền ơn đáp nghĩa thành phố đạt trên 5,239 tỷ đồng. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em tiếp tục được triển khai thực hiện tốt.

b) Về quốc phòng, an ninh

Quốc phòng, an ninh được giữ vững ổn định; tiềm lực và thế trận từng bước được củng cố; an ninh chính trị, trật tự xã hội được bảo đảm, là điểm đến an toàn, thân thiện đối với người dân và du khách. Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Chú trọng xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và “thế trận lòng dân” vững chắc. Xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ thành phố vững mạnh; xây dựng lực lượng vũ trang thành phố cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ các cấp; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh và đối ngoại; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt 100% số lượng, đảm bảo chất lượng; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong việc nắm, dự báo âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch. Tăng cường đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển theo công ước và luật pháp quốc tế; thành lập và đưa vào hoạt động Hải đội Dân quân thường trực. Xây dựng lực lượng dân quân thường trực, dân quân tự vệ và dự bị động viên đủ số lượng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

2.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Tính đến tháng 4/2025, HĐND thành phố ban hành 171 Nghị quyết quy định các chính sách đặc thù hiện hưởng trên các lĩnh vực như sau:

- a) Lĩnh vực Pháp chế: Có 21 Nghị quyết quy định 16 chính sách đặc thù;
- b) Lĩnh vực Văn hóa-Xã hội: Có 40 Nghị quyết quy định 40 chính sách đặc thù;

c) Lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách: Có 107 Nghị quyết quy định 107 chính sách đặc thù;

d) Lĩnh vực Đô thị: Có 03 Nghị quyết quy định 03 chính sách đặc thù.

(Phụ lục 5 đính kèm)

2.6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

2.6.1. Thành ủy Đà Nẵng và các cơ quan Đảng, đơn vị sự nghiệp và đảng bộ trực thuộc Thành ủy

a) Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025 hiện nay có 44 đồng chí. Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025, hiện nay có 15 đồng chí. Thường trực Thành ủy Đà Nẵng 03 đồng chí (Bí thư và 02 Phó bí thư). Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng 08 đồng chí, gồm Chủ nhiệm, 03 đồng chí Phó Chủ nhiệm và 04 đồng chí Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng (chuyên trách).

b) Thành ủy Đà Nẵng, hiện có 05 cơ quan tham mưu, giúp việc (Văn phòng Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy).

c) Thành ủy Đà Nẵng, hiện có 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng, Trường Chính trị thành phố).

d) Đảng bộ thành phố Đà Nẵng hiện có 12 đảng bộ¹⁰ cấp trên trực tiếp cơ sở, 533 tổ chức cơ sở đảng (trong đó có 181 đảng bộ cơ sở, 352 chi bộ cơ sở) với 64.005 đảng viên. Có 07 đảng bộ cấp huyện (quận, huyện) với 47 đảng bộ xã, phường.

2.6.2. Khối chính quyền

a) Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị thành phố Đà Nẵng có 05 đại biểu, trong đó, đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng làm Trưởng đoàn, 01 đồng chí Thành ủy viên, Phó Trưởng đoàn chuyên trách.

b) HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 của thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng tổ chức HĐND ở cấp thành phố, huyện Hòa Vang và các xã thuộc huyện Hòa Vang¹¹.

HĐND thành phố Đà Nẵng hiện có 50 đại biểu, trong đó có 01 Chủ tịch HĐND thành phố Đà Nẵng (chuyên trách) và có 02 Phó Chủ tịch HĐND thành phố (chuyên trách). HĐND thành phố có 04 ban trực thuộc (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Đô thị). Văn phòng Đoàn ĐBQH

¹⁰ Trong đó có 07 đảng bộ cấp huyện (quận, huyện), 03 đảng bộ lực lượng vũ trang, 02 đảng bộ mới thành lập theo Kết luận số 118-KL/TW của Bộ Chính trị (Đảng bộ các cơ quan đảng thành phố và Đảng bộ UBND thành phố).

¹¹ Thành phố Đà Nẵng thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng

và HĐND thành phố Đà Nẵng là cơ quan tương đương cấp sở, có chức năng tham mưu, giúp việc, phục vụ cho hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố.

HĐND huyện Hòa Vang hiện có 30 đại biểu. HĐND các xã thuộc huyện Hòa Vang có 284 đại biểu.

c) UBND thành phố Đà Nẵng

- Cơ cấu UBND thành phố Đà Nẵng gồm Chủ tịch và 04 Phó Chủ tịch; 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố (1) Văn phòng UBND thành phố, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Nội vụ, (4) Sở Tư pháp, (5) Thanh tra thành phố, (6) Sở Xây dựng, (7) Sở Nông nghiệp và Môi trường, (8) Sở Công Thương, (9) Sở Khoa học và Công nghệ, (10) Sở Giáo dục và Đào tạo, (11) Sở Y tế, (12) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (13) Sở Ngoại vụ¹²; 01 đơn vị đặc thù được Thủ tướng Chính phủ thành lập (Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)¹³.

- Ngoài ra, thành phố hiện có Ban Quản lý an toàn thực phẩm trực thuộc UBND thành phố có cơ cấu tổ chức gồm 03 phòng, 02 đội và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc. UBND thành phố đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấm dứt thí điểm để tổ chức thành Chi cục trực thuộc Sở Công Thương.

- Thành phố Đà Nẵng có 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, bao gồm: (1) Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng, (2) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng, (3) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Đà Nẵng, (4) Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng, (5) Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật¹⁴.

- Thành phố Đà Nẵng, có 04 doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước¹⁵ và 04 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước: (1) Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết ĐN; (2) Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng; (3) Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản tổng hợp Đà Nẵng¹⁶; (4) Công ty TNHH MTV In tổng hợp¹⁷.

d) UBND cấp huyện

- Thành phố có 08 ĐVHC cấp huyện (Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Hòa Vang và huyện đảo Hoàng Sa) và 47 ĐVHC cấp xã (36 phường thuộc quận và 11 xã thuộc huyện).

- UBND 06 quận, 01 huyện Hòa Vang có 70 phòng chuyên môn gồm: Văn phòng UBND (06 quận) hoặc Văn phòng HĐND và UBND (đối với huyện Hòa

¹² 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố có 94 phòng chuyên môn và chi cục, 115 đơn vị sự nghiệp trực thuộc

¹³ Đơn vị có 05 phòng chuyên môn và 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc

¹⁴ UBND thành phố đang trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định sáp nhập Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật vào Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng và đổi tên thành Trường Cao đẳng Đà Nẵng

¹⁵ Công ty cổ phần môi trường đô thị, Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng, Công ty CP Điện chiếu sáng Đà Nẵng, Công ty CP Cầu đường Đà Nẵng

¹⁶ Đang báo cáo xin chủ trương Thủ tướng Chính phủ về giải thể

¹⁷ Đang thực hiện công tác cổ phần hóa

Vang); Phòng Nội vụ; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Tư pháp; Thanh tra; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Phòng Y tế; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Tài nguyên và Môi trường (*đối với quận*) hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường (*đối với huyện Hòa Vang*) và riêng UBND huyện Hoàng Sa có 01 phòng chuyên môn là Văn phòng UBND huyện Hoàng Sa.

- UBND 06 quận, 02 huyện có 257 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2.6.3. Khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Đà Nẵng và **05** tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Thành Đoàn, Hội Cựu chiến binh và Liên Đoàn lao động*) được tổ chức theo cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng và **05** tổ chức chính trị - xã hội thành phố có 18 ban và văn phòng, 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

b) Thành phố Đà Nẵng có **32** hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

2.6.4. Biên chế công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao và phê duyệt năm 2025

a) Năm 2025, biên chế cán bộ, công chức, viên chức được giao cho thành phố Đà Nẵng là **19.592** chỉ tiêu biên chế công chức và viên chức và 1.138 chỉ tiêu định mức cán bộ, công chức phường, xã¹⁸, trong đó:

- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là **771** biên chế, gồm: **685** cán bộ, công chức và **86** viên chức (*tính đến ngày 10/4/2025, có mặt 679 công chức và 86 viên chức*).

- Khối chính quyền địa phương (*gồm HĐND và UBND*) cấp thành phố Đà Nẵng, quận, huyện; đơn vị sự nghiệp công lập có **18.821** biên chế gồm: **1.768** biên chế công chức, **17.053** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. *Tính đến ngày 10/4/2025, có mặt 1.652¹⁹ biên chế công chức và 15.222 viên chức hưởng lương từ ngân sách, 788 hợp đồng trong chỉ tiêu tại đơn vị sự nghiệp; ngoài ra còn có 3.295 viên chức hưởng lương từ nguồn tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*).

b) HĐND thành phố Đà Nẵng phê duyệt số lượng cán bộ, công chức phường, xã năm 2025 là **1.138** chỉ tiêu biên chế (*có mặt đến ngày 10/4/2025 là 1.081 người*), có **800** chỉ tiêu người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn (*có mặt đến ngày 10/4/2025 là 658 người*).

¹⁸ Trong đó có 675 chỉ tiêu công chức làm việc tại phường

¹⁹ Trong đó có 69 công chức tại Chi cục Quản lý thị trường nhưng chưa được Bộ Nội vụ điều chuyển chỉ tiêu từ Bộ Công Thương về UBND thành phố

c) Thành phố giao số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được xác định năm 2025 làm cơ sở cấp kinh phí là: 176 hợp đồng trong cơ quan hành chính và 762 hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và cơ sở đề xuất

1.1. Phương án

Hợp nhất ĐVHC tỉnh Quảng Nam và ĐVHC thành phố Đà Nẵng thành 01 thành phố trực thuộc Trung ương, lấy tên gọi là thành phố Đà Nẵng. Trung tâm chính trị - hành chính của thành phố Đà Nẵng sau khi hợp nhất đặt tại thành phố Đà Nẵng hiện nay.

1.2. Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp

a) Lý do đề xuất lựa chọn tên gọi

- Thực hiện đúng nguyên tắc lựa chọn tên gọi tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 và Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “*Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*”.

- Đà Nẵng là 01 trong 06 thành phố trực thuộc Trung ương, có tính thương hiệu cao và là một đô thị năng động, hiện đại, văn minh, với vị thế là trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch hàng đầu của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước: (1) Việc lựa chọn tên gọi Đà Nẵng sẽ góp phần khẳng định rõ hơn tầm vóc, vai trò hạt nhân của thành phố, tạo động lực mạnh mẽ để tiếp tục thu hút đầu tư, nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập. (2) Thành phố Đà Nẵng đã khẳng định được thương hiệu du lịch quốc gia, với các danh lam thắng cảnh và các di sản văn hóa nổi tiếng như: Bãi biển Mỹ Khê, Di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn, Thành cổ Đà Nẵng (Thành Chămpa), Chùa Linh Ứng, núi Bà Nà... Việc chọn tên Đà Nẵng cho tỉnh mới sẽ giúp khai thác tối đa tiềm năng du lịch và dịch vụ, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển kinh tế của khu vực.

- Việc lựa chọn tên thành phố mới là một trong hai tên gọi đã tồn tại trước khi hợp nhất là giải pháp phù hợp nhằm hạn chế tối đa các tác động phát sinh đối với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc chuyển đổi giấy tờ, cập nhật thông tin địa lý và các thủ tục hành chính liên quan

b) Lý do đề xuất lựa chọn Trung tâm chính trị - hành chính

- Thực hiện đúng nguyên tắc lựa chọn Trung tâm chính trị - hành chính tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “*Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*”.

- Đà Nẵng từng là trung tâm hành chính - chính trị trong giai đoạn lịch sử. Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, để phù hợp với yêu cầu quản lý hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, vào ngày 20/12/1975, Quốc hội khóa V, kỳ họp thứ 2 đã ra quyết định hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, tạo thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, với Đà Nẵng là trung tâm hành chính.

- Có hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại với hệ thống bến cảng, đường sắt, đường bộ, sân bay kết nối với các vùng và hội nhập quốc tế: Thành phố Đà Nẵng có mạng lưới giao thông đường bộ phát triển, bao gồm các tuyến Quốc lộ 1A và Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, giúp kết nối thành phố với các tỉnh như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế và các khu vực khác của miền Trung; hệ thống đường sắt Bắc - Nam đi qua thành phố, kết nối với các khu vực quan trọng khác trong cả nước, hỗ trợ vận tải hàng hóa và hành khách, đặc biệt là trong ngành du lịch và xuất nhập khẩu; Cảng biển Tiên Sa của Đà Nẵng là một trong những cảng quan trọng của miền Trung, cũng đóng vai trò là cửa ngõ thương mại quốc tế, giúp kết nối khu vực với các thị trường quốc tế và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu của cả tỉnh mới; Sân bay Quốc tế Đà Nẵng là một yếu tố quan trọng trong việc kết nối Thành phố Đà Nẵng với các tỉnh thành lớn và các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Hệ thống giao thông liên kết vùng của thành phố Đà Nẵng sẽ giúp tối ưu hóa các cơ hội phát triển cho tỉnh mới, từ việc kết nối các khu công nghiệp, khu đô thị đến phát triển du lịch và thương mại.

- Đà Nẵng là thành phố trực thuộc Trung ương, có hạ tầng hành chính đồng bộ; hạ tầng đô thị hiện đại, phát triển: Thành phố Đà Nẵng là đô thị I, có vị trí chiến lược nằm ở trung tâm miền Trung Việt Nam, sở hữu tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ nhờ vào cơ sở hạ tầng hiện đại với vị thế là trung tâm du lịch, công nghiệp và dịch vụ quan trọng của khu vực.

- Đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển đô thị trong tương lai: Thành phố Đà Nẵng được quy hoạch theo hướng phát triển thành một đô thị lớn, sinh thái, thông minh và bền vững, có vị thế ngang tầm quốc tế. Mục tiêu quy hoạch đặt ra là xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng của cả nước, đóng vai trò kết nối với mạng lưới đô thị trong khu vực và thế giới.

Việc chọn thành phố Đà Nẵng đặt trung tâm chính trị - hành chính sẽ giúp tối ưu hóa các cơ hội phát triển, kết nối các khu vực trong tỉnh và nâng cao khả năng cạnh tranh của thành phố mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế khu vực miền Trung.

2. Kết quả sau hợp nhất

a) Thành phố Đà Nẵng (mới) có diện tích tự nhiên là **11.867,18 km²** (đạt 791,15% so với tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương), quy mô dân số là **3.065.628** người (đạt 306,56% so với tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương), và 94 ĐVHC cấp xã trực thuộc (gồm 23 phường, 70 xã và 01 đặc khu Hoàng Sa).

b) Nơi đặt Trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp: Phường Hải Châu²⁰, thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phố Đà Nẵng (mới): Phía Bắc giáp thành phố Huế, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, phía Đông giáp Biển Đông.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

Không có.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động tích cực

1.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước

a) Thực hiện sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh tạo ra thay đổi tích cực, hướng đến nâng cao được hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước chi cho việc bảo đảm hoạt động của bộ máy quản lý.

b) Thông qua việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại những đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp; cán bộ, công chức thấy rõ trách nhiệm của mình đối với công việc, thường xuyên tu dưỡng đạo đức, trau dồi nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết công việc. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu tình hình mới thì thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

c) Khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính

²⁰ Phường Hải Châu mới hình thành sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng

sách của các địa phương; góp phần kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng; chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm tốt trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế giữa các khu vực có trình độ quản lý và phát triển kinh tế cao với khu vực liền kề.

1.2. Tác động đến phát triển kinh tế

a) Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh góp phần tái định vị không gian phát triển tự nhiên và kinh tế, gắn với về lịch sử, văn hoá, địa lý để hình thành nên một thực thể hành chính - kinh tế có quy mô đủ lớn, từ đó mở rộng tầm phát triển đi đôi với đổi mới, nâng cao năng lực quản trị đủ mạnh, có sức cạnh tranh cao để hội nhập chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu.

b) Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh giúp hình thành các ĐVHC mới có quy mô lớn, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương, tạo thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại, dịch vụ, tạo kết nối và giao lưu phát triển giữa các địa phương, từ đó nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế địa phương, đủ tiềm lực để cạnh tranh với các ĐVHC của các nước trong khu vực và trên thế giới.

c) Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh cùng với việc triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sẽ góp phần giải quyết triệt để các vấn đề về sử dụng tài nguyên, môi trường, khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương.

d) Tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương về điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phù hợp với nguyện vọng của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân địa phương.

1.3. Tác động về xã hội

a) Sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh giúp quy hoạch tốt hơn về hạ tầng, giao thông, tăng nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế địa phương, thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; tạo thêm việc làm, thu nhập cho người dân.

b) Việc mở rộng quy mô ĐVHC tạo điều kiện giải quyết tốt hơn các vấn đề về ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý chất thải, các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn.

c) Trên cơ sở ĐVHC cấp tỉnh mới có quy mô dân số và diện tích lớn hơn, cùng với việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp cơ sở, chính quyền cơ sở trực tiếp quyết định và giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân trên địa bàn, là căn cứ để cải cách hành chính theo hướng đơn giản hoá trình tự, thủ tục, hồ sơ, giúp tiết kiệm chi phí cho

người dân; doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Sự tương đồng về các yếu tố tôn giáo, phong tục, tập quán và các mối quan hệ kinh tế, chính trị truyền thống giữa các cộng đồng dân cư của các ĐVHC thực hiện sắp xếp tạo điều kiện cho việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hoá làm tiền đề cho việc xây dựng các hoạt động du lịch, văn hóa, hỗ trợ phát triển kinh tế.

1.4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

a) Sau khi sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh thì diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp tỉnh mới lớn hơn, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch tác chiến, phòng thủ theo địa bàn, khu vực.

b) Sau sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất hơn của lực lượng quân sự, công an. Từ đó, công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở ổn định hơn.

1.5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

a) Tiết kiệm ngân sách nhà nước hằng năm cho thực hiện cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công do giảm số lượng ĐVHC.

b) Có điều kiện tập trung nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp.

2. Tác động tiêu cực

2.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước

a) Hoạt động quản lý nhà nước sẽ có một số khó khăn ban đầu do diện tích lớn, dân số đông, thay đổi về mô hình tổ chức chính quyền, khoảng cách địa lý giữa cơ quan nhà nước và người dân, có sự chênh lệch về phân bố dân cư, hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của người dân giữa các địa phương.

b) Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh làm khối lượng công việc liên quan đến thủ tục hành chính sẽ gia tăng do phải thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp. Việc chuyển đổi, cập nhật biến động trên các loại giấy tờ của người dân cần có thời gian để giải quyết, xử lý do yếu tố sắp xếp, hợp nhất tỉnh, thành phố và tổ chức ĐVHC hai cấp.

c) Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh thực hiện cùng với sắp xếp ĐVHC cấp xã nên số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư khá lớn, khó khăn trong công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với đội ngũ dôi dư sau sắp xếp. Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức tác động, ảnh hưởng đến tâm tư nguyện vọng của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2.2. Tác động đến phát triển kinh tế

a) Sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh sẽ có phát sinh chi ngân sách để thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, chỉnh lý, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

b) Khi sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư có thể bị thay đổi, gây ảnh hưởng hoạt động sản xuất - kinh doanh; các chính sách ưu đãi kinh tế trước đây cần rà soát, điều chỉnh theo ĐVHC mới, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và nhà đầu tư; việc thay đổi địa giới hành chính có thể ảnh hưởng các quy hoạch kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công.

c) Một số doanh nghiệp và người dân có thể có tâm lý lo ngại việc thay đổi địa giới hành chính sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi, nhất là về thuế, đất đai, vay vốn kinh doanh.

2.3. Tác động về xã hội

a) Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh dẫn đến có địa phương không còn giữ địa danh truyền thống, ít nhiều tác động đến tâm tư, tình cảm của cộng đồng dân cư ở địa phương.

b) Việc thay đổi địa giới hành chính ảnh hưởng trực tiếp đến các thông tin cá nhân trong hồ sơ, giấy tờ của người dân; có thể gây ra tâm lý ngại chuyển đổi.

2.4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh có nhiều áp lực khi đường bờ biển được kéo dài hơn, địa bàn rộng hơn; quản lý dân cư đa dạng hơn; trường hợp phát sinh các vấn đề xã hội tại các khu dân cư nếu không thể giải quyết kịp thời sẽ ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Tổ chức Đảng

1.1.1. Phương án sắp xếp tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Đà Nẵng (mới)

Sau sắp xếp, thành phố Đà Nẵng (mới) có 98 đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, gồm: Đảng bộ UBND thành phố, Đảng bộ cơ quan Đảng thành phố, Đảng bộ Công an thành phố, Đảng bộ Quân sự thành phố, Đảng bộ Bộ đội biên phòng thành phố và 93 đảng bộ cấp xã, cụ thể:

- Hợp nhất: Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Nam và Đảng ủy Các cơ quan Đảng thành phố Đà Nẵng; Đảng ủy UBND tỉnh Quảng Nam và Đảng ủy Đảng ủy UBND thành phố Đà Nẵng

- Thành lập 03 đảng bộ khối lực lượng vũ trang, gồm: (1) Đảng bộ Công an thành phố, (2) Đảng bộ Quân sự thành phố, (3) Đảng bộ Bộ đội Biên phòng thành phố.

- Thành lập 93 đảng bộ phường, xã²¹;

1.1.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy Đà Nẵng (mới)

Hợp nhất các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng để thành lập 05 cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Đà Nẵng (mới), gồm: (1) Văn phòng Thành ủy, (2) Ban Tổ chức Thành ủy, (3) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, (4) Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, (5) Ban Nội chính Thành ủy.

1.1.3. Các đơn vị sự nghiệp của đảng trực thuộc Thành ủy Đà Nẵng (sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Hợp nhất Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng và Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam thành Trường Chính trị thành phố và hợp nhất Báo và Đài Phát thanh Truyền hình thành phố Đà Nẵng và Báo và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Quảng Nam thành Báo và Đài Phát thanh Truyền hình thành phố.

1.2. Tổ chức chính quyền

1.2.1. Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị thành phố Đà Nẵng (mới)

Thực hiện theo quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.2.2. HĐND thành phố và HĐND cấp xã

a) HĐND thành phố Đà Nẵng (mới)

- HĐND thành phố Đà Nẵng (mới) có **98** đại biểu, được hợp thành từ **48** đại biểu HĐND tỉnh Quảng Nam và **50** đại biểu HĐND thành phố Đà Nẵng hiện nay và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Kỳ họp thứ nhất của HĐND của thành phố Đà Nẵng (mới) do 01 triệu tập viên được Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định, để triệu tập và chủ tọa cho đến khi HĐND thành phố bầu ra Chủ tịch HĐND thành phố mới.

- HĐND thành phố Đà Nẵng (mới) bầu các chức danh của HĐND, UBND thành phố theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới nhiệm kỳ 2026 - 2031 được bầu ra.

- Khóa của HĐND thành phố Đà Nẵng (mới): Do giữ nguyên tên gọi thành

²¹ Đặc khu Hoàng Sa được tổ chức thành chi bộ thuộc Đảng bộ Sở Nội vụ

phố Đà Nẵng trước khi sắp xếp, hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng nên khóa của HĐND thành phố Đà Nẵng (mới) tiếp tục tính theo khóa của HĐND thành phố Đà Nẵng trước khi sắp xếp (**khóa X**) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Về các ban thuộc HĐND thành phố Đà Nẵng (mới) và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Đà Nẵng (mới)

- Thành lập **04** ban thuộc HĐND thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

(1) Thành lập Ban Pháp chế trên cơ sở hợp nhất Ban pháp chế HĐND tỉnh Quảng Nam và Ban Pháp chế HĐND thành phố Đà Nẵng.

(2) Thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách trên cơ sở hợp nhất Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Quảng Nam và Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố Đà Nẵng.

(3) Thành lập Ban Đô thị: Trên cơ sở giữ nguyên Ban Đô thị HĐND thành phố Đà Nẵng.

(4) Thành lập Ban Văn hóa - Xã hội: Trên cơ sở hợp nhất, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Quảng Nam, Ban Dân tộc HĐND tỉnh Quảng Nam và Ban Văn hóa - Xã hội HĐND thành phố Đà Nẵng.

- Thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Đà Nẵng trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Đà Nẵng hiện nay.

c) HĐND cấp xã

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đang thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội, tại các phường không tổ chức HĐND phường. Trước mắt tại các xã sắp xếp, sáp nhập với phường để trở thành phường thì chấm dứt hoạt động của HĐND tại các xã này kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với các xã này có hiệu lực thi hành. Các phường thuộc thành phố Đà Nẵng thực hiện mô hình chính quyền đô thị thì sau khi sắp xếp, sáp nhập tiếp tục không tổ chức HĐND phường theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội.

Đại biểu HĐND các xã thuộc thành phố Đà Nẵng trước sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và đại biểu HĐND tại các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam trước sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh được hợp thành đại biểu HĐND của ĐVHC cấp xã mới theo số lượng, phương án sắp xếp và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Như vậy, ngay sau sắp xếp ĐVHC cấp xã, thành phố Đà Nẵng có 16 ĐVHC cấp xã (12 phường, 03 xã và 01 đặc khu), trong đó chỉ tổ chức HĐND ở 03 xã; tỉnh Quảng Nam có 78 ĐVHC cấp xã (11 phường và 67 xã), trong đó tổ chức HĐND ở 78 ĐVHC cấp xã. Sau hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh, thành phố Đà Nẵng

mới có 94 ĐVHC cấp xã. Việc tổ chức HĐND tại tất cả ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng (mới) nhiệm kỳ 2026 - 2031 thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

1.2.3. UBND thành phố Đà Nẵng và UBND cấp xã

a) UBND thành phố Đà Nẵng

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố (mới) theo Kết luận số 150-KL/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới.

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng

Thực hiện hợp nhất 12 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng có tên gọi giống nhau và chức năng, nhiệm vụ tương đồng; đồng thời, giữ nguyên 02 sở đặc thù là Sở Dân tộc và Tôn giáo của tỉnh Quảng Nam và Sở Ngoại vụ của thành phố Đà Nẵng.

Do vậy, thành phố Đà Nẵng (mới) có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố bao gồm: (1) Văn phòng UBND thành phố, (2) Thanh tra thành phố, (3) Sở Tài chính, (4) Sở Nội vụ, (5) Sở Tư pháp, (6) Sở Xây dựng, (7) Sở Nông nghiệp và Môi trường, (8) Sở Công Thương, (9) Sở Khoa học và Công nghệ, (10) Sở Giáo dục và Đào tạo, (11) Sở Y tế, (12) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (13) Sở Ngoại vụ (*chuyển chức năng, nhiệm vụ đối ngoại của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam hiện nay về thuộc Sở Ngoại vụ*), (14) Sở Dân tộc và Tôn giáo (*chuyển chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc và Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng hiện nay về Sở Dân tộc và Tôn giáo*).

- Đơn vị đặc thù được Chính phủ thành lập gồm 02 đơn vị:

(1) Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, tiếp nhận 03 khu công nghiệp hiện thuộc quản lý của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam gồm: Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc; Khu công nghiệp Thuận Yên (xã Tam Đàn, thành phố Tam Kỳ); Khu công nghiệp Đông Quế Sơn (xã Hương An, huyện Quế Sơn).

(2) Đổi tên Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam thành Ban Quản lý các Khu kinh tế (sau khi chuyển các khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý về cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Đà Nẵng (mới)

(1) Đối với các ban quản lý dự án, trước mắt giữ nguyên tổ chức bộ máy của 05 ban quản lý dự án, gồm: (i) Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng; (ii) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và hạ tầng đô thị thành phố Đà Nẵng; (iii) Ban Quản lý dự án đầu tư xây

dựng các công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Đà Nẵng; (iv) Ban Quản lý đầu tư xây dựng; (v) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông. Sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, UBND thành phố Đà Nẵng (mới) tiếp tục sắp xếp, kiện toàn 05 ban quản lý dự án tỉnh gọn, hoạt động, hiệu lực, hiệu quả.

(2) Đối với các đơn vị sự nghiệp khác, Trường Đại học Quảng Nam, Trường Cao đẳng Quảng Nam và Trường Cao đẳng thành phố sắp xếp như sau:

- Hợp nhất Trường Cao đẳng Quảng Nam và Trường Cao đẳng thành phố Đà Nẵng thành Trường Cao đẳng Đà Nẵng (có 02 cơ sở).

- Giữ nguyên Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Quảng Nam và đổi tên thành Trường Cao đẳng Y tế thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên Trường Đại học Quảng Nam: Thống nhất chủ trương, sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, trao đổi với Đại học Đà Nẵng và xin ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét chuyển Trường Đại học Quảng Nam thành trường thành viên của Đại học Đà Nẵng.

(3) Giữ nguyên Ban Quản lý Vườn quốc gia Sông Thanh Quảng Nam và đổi tên thành Ban Quản lý Vườn quốc gia Sông Thanh thành phố Đà Nẵng, rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ các loại rừng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, xem xét tổ chức lại các doanh nghiệp có chức năng tương đồng, cụ thể như sau:

- + Hợp nhất, sáp nhập Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Nam với Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết thành phố Đà Nẵng và hợp nhất, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi thành phố Đà Nẵng

- + Giữ nguyên các doanh nghiệp sau, tiếp tục thực hiện chủ trương cổ phần hóa hoặc giải thể theo quy định (nếu có): Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai; Công ty TNHH MTV In tổng hợp Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản tổng hợp Đà Nẵng .

b) UBND cấp xã

Thành phố Đà Nẵng (mới) có 94 ĐVHC cấp xã, do đó tổ chức 94 UBND cấp xã, gồm 23 UBND phường, 70 UBND xã và 01 UBND đặc khu Hoàng Sa.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của UBND thành phố và UBND cấp xã theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của Chính phủ.

1.3. Tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1.3.1. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

Hợp nhất Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thành Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

thành phố Đà Nẵng (mới) gồm **09** đầu mối (**01** Văn phòng và **08** Ban chuyên môn) và **06** đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

1.3.2. Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Trước mắt giữ nguyên trạng **48** tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng hiện nay và sẽ sắp xếp theo Đề án của Trung ương.

Chính quyền địa phương ở thành phố Đà Nẵng mới hoàn thành xong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chính thức đi vào hoạt động chậm nhất là ngày 15 tháng 9 năm 2025.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Biên chế công chức, viên chức và lao động

2.1.1. Biên chế công chức, viên chức và lao động được giao

Chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức giao đối với UBND thành phố Đà Nẵng (mới) trước mắt bằng tổng chỉ tiêu được Ban Tổ chức Trung ương giao năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, cụ thể **51.779**, trong đó:

a) Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là **2.185** biên chế, gồm: **2.031** cán bộ, công chức và **154** viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Khối chính quyền địa phương (gồm HĐND và UBND) cấp tỉnh, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập là **49.594** biên chế, gồm: **4.857** biên chế công chức và **44.737** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách.

c) Ngoài ra, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn năm 2025 là **6.252** chỉ tiêu và có **3.961** chỉ tiêu người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn.

d) Đối với hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP:

- Trong cơ quan của HĐND, cơ quan hành chính thuộc UBND thành phố quản lý: 176 người và số hợp đồng thực tế bàn giao tại các cơ quan, đơn vị của UBND tỉnh Quảng Nam chuyển sang.

- Trong đơn vị sự nghiệp công lập: 762 người và số hợp đồng thực tế bàn giao tại các cơ quan, đơn vị của UBND tỉnh Quảng Nam chuyển sang.

2.1.2 Nguyên tắc phân bổ chỉ tiêu biên chế, lao động

a) Trước mắt, tiếp nhận nguyên trạng chỉ tiêu biên chế và số lượng cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng quản lý.

b) Đối với hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương ngân sách, trước mắt duy trì cơ chế giao, sử dụng hợp đồng tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của 02 tỉnh, thành phố trước khi sắp xếp đến hết năm 2025. Từ năm 2026, Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền cơ chế xác định kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ, phục vụ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

2.2. Bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.2.1. Nguyên tắc bố trí

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, trước mắt giữ ổn định số lượng biên chế, nhân sự đang có mặt tại các cơ quan, đơn vị là **47.199** cán bộ, công chức viên chức²² và **5.765** cán bộ, công chức phường, xã để rà soát, sắp xếp, bố trí thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của thành phố (mới). Trên cơ sở định hướng của Trung ương, thành phố Đà Nẵng (mới) sẽ có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về lộ trình tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Trung ương.

2.2.2. Bố trí đối với chức danh lãnh đạo, quản lý

a) Việc bố trí cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Kết luận số 150-KL/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương đối với cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập.

b) Số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức của thành phố Đà Nẵng (mới) sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức của thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, Ban Thường vụ, UBND thành phố Đà Nẵng (mới) xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương

²² Chưa bao gồm 5.733 viên chức từ nguồn tự chủ

ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

d) Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ, UBND thành phố Đà Nẵng (mới) xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Đà Nẵng (mới) sau sắp xếp có thể cao hơn quy định, Ban Thường vụ, UBND thành phố Đà Nẵng (mới) xây dựng lộ trình giảm dần số lượng cấp phó bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

2.2.3 Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ và hợp đồng lao động

Tạm thời giữ nguyên trạng công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Căn cứ tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được hình thành sau hợp nhất nêu trên, bố trí nguyên trạng **14.925²³** chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức và điều chuyển nguyên trạng **13.302²⁴** cán bộ, công chức, viên chức có mặt của các cơ quan, đơn vị trước khi sắp xếp cho cơ quan, đơn vị mới hình thành sau sắp xếp.

b) Cấp huyện: Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có là **36.746²⁵** chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức và để bố trí **33.109²⁶** cán bộ, công chức, viên chức về cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới.

c) Cấp xã: Trước mắt giữ nguyên **38.846²⁷** cán bộ, công chức, viên chức gồm 33.109 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và 5.737 cán bộ, công chức cấp xã để điều chuyển nguyên trạng về công tác tại các ĐVHC phường, xã mới (gồm cả khối đảng, mặt trận, chính quyền). Thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Trung ương.

²³ Gồm 3.100 chỉ tiêu biên chế công chức, 11.825 biên chế viên chức

²⁴ Gồm 2.986 cán bộ, công chức, 10.316 viên chức (chưa bao gồm 5.196 viên chức từ nguồn tự chủ)

²⁵ Gồm 3.680 chỉ tiêu biên chế công chức và 33.066 biên chế viên chức

²⁶ Gồm 3.297 cán bộ, công chức, 29.812 viên chức (chưa bao gồm 537 viên chức từ nguồn tự chủ)

²⁷ Gồm 33.109 cán bộ, công chức, viên chức (chưa bao gồm 537 viên chức từ nguồn tự chủ và 5.737 cán bộ, công chức cấp xã.

Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025 gồm **3.289** người. Giao chính quyền địa phương xem xét, *có thể* sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

d) Việc bố trí, sắp xếp, giải quyết cán bộ, công chức dôi dư trong thời hạn 05 năm, do vậy, trong thời gian 05 năm hoặc cho đến khi giải quyết xong cán bộ, công chức dôi dư thì tạm thời tiếp tục không tổ chức tuyển dụng mới công chức. Đối với các trường hợp giải quyết nghỉ công tác để hưởng chế độ về sắp xếp tổ chức bộ máy sẽ thực hiện đồng thời với việc thu hồi biên chế.

2.3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC

2.3.1. Về chế độ, chính sách tiền lương

Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

2.3.2. Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

Thực hiện giảm theo lộ trình từng năm để đảm bảo số lượng công chức, viên chức đúng quy định của trung ương như sau:

a) Giải quyết chế độ nghỉ hưu và nghỉ tinh giản biên chế theo quy định: Giai đoạn 2025 - 2029 có **5.749** người nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế²⁸, cụ thể: năm 2025 là 3.428 người, năm 2026 là 654 người, năm 2027 là 507 người, năm 2028 là 460 người và năm 2029 là 700 người.

b) Thực hiện điều chuyển sang các vị trí phù hợp ở các đơn vị trên địa bàn thành phố còn thiếu (hoặc thay thế các vị trí phù hợp ở đơn vị có người nghỉ hưu, nghỉ chế độ theo quy định).

c) Giải quyết chế độ theo chính sách hiện có của Trung ương và của thành phố đối với các trường hợp có nguyện vọng và đủ điều kiện (*Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ*

²⁸ Trong đó, nghỉ hưu theo chế độ trong 05 năm là 2.613 người và 3.136 người tinh giản biên chế

sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố về chính sách hỗ trợ đối tượng tình giãn biên chế, đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Đà Nẵng...).

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công thực hiện theo quy định của Trung ương, theo đó:

a) Tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc, các dự án đầu tư công tại cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện sắp xếp. Tạm dừng mua sắm xe ô tô các loại, trừ trường hợp thực sự cấp thiết do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Căn cứ quy định hiện hành, phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (mới) chủ trì tham mưu UBND thành phố xây dựng và triển khai phương án xử lý cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố thực hiện sắp xếp để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm bố trí, sắp xếp, sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công hiện có.

- Về trang thiết bị làm việc, kể cả xe ô tô cho các sở, ban, ngành sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, xã, phường thành lập mới sau sắp xếp ĐVHC cấp xã, kết thúc hoạt động ĐVHC cấp huyện, đề nghị sử dụng tài sản, trang thiết bị, xe ô tô hiện có, còn sử dụng được và chuyển đến địa điểm làm việc mới của đơn vị theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế tối đa việc phải mua sắm mới tài sản.

- Đối với các phường, xã sau sắp xếp: Thực hiện theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Nam và Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở chính xác số lượng ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp, Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng sẽ tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ cùng cấp để tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định phương án sử dụng trụ sở làm việc của các ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức và thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ công tác.

- Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính

phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất, pháp luật về đất đai, về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

2. Phương án sử dụng tài sản công

Trên cơ sở rà soát thông tin về nhà, đất tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam thì tổng số cơ sở nhà đất là trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có là **4.291 cơ sở**, diện tích đất 18.808.194 m², diện tích sàn sử dụng 6.202.141 m², trong đó:

- Đối với thành phố Đà Nẵng: **1.681 cơ sở**, tổng diện tích đất: 6.474.802 m², diện tích sàn sử dụng 2.567.450 m² (Khối thành phố: **435 cơ sở**, tổng diện tích đất: 3.447.750 m², diện tích sàn sử dụng 1.262.917 m²; Khối quận, huyện: **521 cơ sở**, tổng diện tích đất: 2.276.340 m², diện tích sàn sử dụng 1.077.576 m²; Khối phường, xã: **725 cơ sở**, tổng diện tích đất: 750.712 m², diện tích sàn sử dụng 226.957 m²);

- Đối với tỉnh Quảng Nam: **2.610 cơ sở**, tổng diện tích đất: 12.333.392 m², diện tích sàn sử dụng 3.634.691 m² (cấp tỉnh quản lý: **508 cơ sở**, tổng diện tích đất: 3.078.071 m², diện tích sàn sử dụng 1.177.918 m²; Cấp huyện quản lý: **1.702 cơ sở**, tổng diện tích đất: 7.973.234 m², diện tích sàn sử dụng 2.082.835 m²; cấp xã quản lý: **400 cơ sở**, tổng diện tích đất: 1.282.087 m², diện tích sàn sử dụng 373.938 m²).

2.1. Về trụ sở làm việc

Tổng số trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị thành phố Đà Nẵng hiện nay là **112 trụ sở** (gồm 42 trụ sở cấp tỉnh, 12 trụ sở cấp huyện, 58 trụ sở cấp xã), của tỉnh Quảng Nam là **478 trụ sở** (gồm 73 trụ sở cấp tỉnh, 158 trụ sở cấp huyện, 247 trụ sở cấp xã).

a) Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành thành phố Đà Nẵng mới

Sau khi hợp nhất thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, dự kiến trụ sở làm việc của các sở, ngành, đơn vị đặt tại Trung tâm Hành chính thành phố hiện nay (số 24 Trần Phú, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng) và một số cơ sở nhà, đất còn trống (trong đó, có Trung tâm Hành chính một số quận) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm tận dụng cơ sở vật chất, trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp có sẵn để làm việc. Đối với các trụ sở trên địa bàn thành phố Tam Kỳ hiện nay, đề xuất bố trí cho một số cơ quan, đơn vị, bộ phận tiếp tục làm việc tại Tam Kỳ để vừa hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phía Nam thành phố Đà Nẵng mới cho thuận tiện, vừa ứng phó thiên tai kịp thời, qua đó sử dụng tối đa các trụ sở đang có trên địa bàn Tam Kỳ; đồng thời, đề xuất xem xét chuyển đổi công năng một số trụ sở thành cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, thể thao, sinh hoạt cộng đồng dân cư.

b) Trụ sở cơ quan cấp xã sau sắp xếp:

Theo lộ trình do Trung ương ấn định, việc sắp xếp ĐVHC cấp xã hoàn thành trước khi hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh. Trước mắt các phường, xã sau sắp xếp tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của các phường, xã để làm trụ sở làm việc (bố trí trụ sở làm việc riêng biệt cho cơ quan khối chính quyền, cơ quan đảng, MTTQ-Đoàn thể, đơn vị sự nghiệp) theo tiêu chuẩn, định mức và thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ công tác.

Các trụ sở phường, xã còn lại sẽ chuyển đổi công năng làm trụ sở công an, ban chỉ huy quân sự, trạm y tế cấp xã, các cơ quan, đơn vị cấp thành phố, cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (kể cả làm nhà công vụ cho giáo viên khu vực miền núi), thiết chế văn hóa - thể thao thôn, khối phố, sinh hoạt cộng đồng dân cư.

(Phụ lục 3 đính kèm)

2.2. Về trang thiết bị làm việc

a) Đối với các Sở, ban, ngành sau khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, đề nghị sử dụng tài sản, trang thiết bị hiện có, còn sử dụng được và chuyển đến địa điểm làm việc mới của đơn vị theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế tối đa việc phải mua sắm mới tài sản.

b) Đối với cấp xã sau sắp xếp:

UBND cấp huyện hiện nay xem xét thanh lý các trang thiết bị hư hỏng, đủ điều kiện thanh lý theo trước khi kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện; số còn lại bố trí toàn bộ cho các xã, phường sau sắp xếp, kết hợp trang thiết bị hiện có của các xã, phường, thị trấn trước sắp xếp để đảm bảo tối đa điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức cấp cơ sở mới.

2.3. Về xe ô tô

Tổng số xe ô tô hiện có của thành phố Đà Nẵng là **470 xe** (gồm 4 xe chức danh, 214 xe phục vụ công tác chung (*trong đó 184 xe cấp tỉnh quản lý, sử dụng, 30 xe cấp huyện quản lý sử dụng*), 252 xe chuyên dùng); của tỉnh Quảng Nam là **290 xe** (gồm 03 xe chức danh, 140 xe phục vụ công tác chung (*trong đó 71 xe cấp tỉnh quản lý, sử dụng, 69 xe cấp huyện quản lý, sử dụng*), 147 xe chuyên dùng các loại).

a) Tiếp tục bố trí các xe chức danh cho các chức danh được phép sử dụng; bố trí xe phục vụ công tác chung hiện có của cấp tỉnh cho các sở, ban, ngành, cơ quan đảng, MTTQ - đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thành phố Đà Nẵng mới quản lý, sử dụng.

b) Bố trí toàn bộ xe phục vụ công tác chung cấp huyện hiện có cho khối chính quyền, cơ quan đảng, MTTQ - đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp cơ sở mới theo tiêu chuẩn, định mức sau sắp xếp, để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác bắt buộc phải có.

c) Tiếp tục sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị hiện tại.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định về quản lý, sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP hiện hành), Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng mới sẽ tham mưu UBND thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức và xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo lộ trình quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

1. Chính sách kinh tế - tài chính

a) Rà soát, thống nhất các cơ chế tài chính đặc thù của tỉnh Quảng Nam (địa phương có huyện miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa) của thành phố Đà Nẵng (thành phố trực thuộc Trung ương).

b) Xây dựng cơ chế tài chính đặc thù mới, kế thừa ưu điểm của hai địa phương, trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt (ví dụ: cơ chế giữ lại ngân sách, ưu đãi đầu tư, chính sách phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu CNC Đà Nẵng).

c) Tái cấu trúc lại ngân sách theo đơn vị hành chính mới, điều phối ngân sách hợp lý giữa các khu vực phát triển mạnh (như Đà Nẵng) và khu vực còn khó khăn (miền núi Quảng Nam).

2. Chính sách về cán bộ, công chức, viên chức

a) Giữ nguyên quyền lợi cán bộ, công chức trong thời gian chuyển tiếp. Sắp xếp bộ máy tinh gọn, tránh chồng chéo, giải quyết chế độ dôi dư theo quy định. Có chính sách hỗ trợ, đào tạo lại, bố trí lại công việc phù hợp với cán bộ bị ảnh hưởng bởi hợp nhất.

b) Xây dựng chính sách bố trí nhà ở, hỗ trợ thuê nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi hợp nhất ra công tác tại Đà Nẵng nhưng chưa có nhà ở trên địa bàn thành phố.

c) Xây dựng chính sách bố trí phương tiện (hợp đồng thuê xe ô tô hoặc bố trí xe bus công cộng) chuyên phục vụ đưa đón cán bộ, công chức, viên chức hoặc chính sách hỗ trợ một phần chi phí đi lại, di chuyển của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam khi ra công tác tại các trụ sở đặt tại thành phố Đà Nẵng và ngược lại.

d) Có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực, ngành nghề mũi nhọn quan trọng nhằm định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3. Chính sách an sinh xã hội

Đảm bảo các chính sách hiện hành tiếp tục được duy trì ổn định trong thời gian chuyển tiếp (bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội, hỗ trợ người nghèo...). Tích hợp hệ thống quản lý hành chính, cơ sở dữ liệu dân cư, tạo thuận lợi cho người dân trong thủ tục hành chính.

4. Chính sách phát triển vùng đặc thù

a) Vùng đô thị Đà Nẵng: Tập trung phát triển công nghệ cao, logistics, dịch vụ chất lượng cao.

b) Vùng trung du và miền núi Quảng Nam: Được hưởng cơ chế phát triển bền vững, ưu đãi đầu tư, bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số. Xây dựng vùng liên kết động lực kinh tế ven biển, kết nối hạ tầng đồng bộ (Chu Lai - Đà Nẵng - Kỳ Hà - Đông Giang).

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ TỈNH QUẢNG NAM

1. Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam

a) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác hợp nhất tỉnh Quảng Nam với thành phố Đà Nẵng theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan Trung ương và các văn bản của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy đã ban hành trong thời gian qua để triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương.

b) Phân công Ủy viên Ban Thường vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành được phân công và địa bàn theo dõi, chủ động phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm yêu cầu và mục tiêu đã đề ra.

c) Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về hợp nhất tỉnh Quảng Nam với thành phố Đà Nẵng; tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan trong hệ thống chính trị của thành phố Đà Nẵng (mới) và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; đồng thời, kiểm tra và báo cáo Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng (mới) về tình hình triển khai Nghị quyết của Quốc hội đảm bảo đúng quy định.

đ) Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 150-KL/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất và cấp xã thành lập mới, nhất là, chủ động sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và sắp xếp cán bộ theo thẩm quyền, tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam

a) Thống nhất nội dung tham mưu xây dựng Kế hoạch và triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

b) Phối hợp với lực lượng cấp cơ sở và đội ngũ lực lượng cốt cán, người có uy tín tại địa phương tăng cường công tác vận động, tuyên truyền miệng đến tận cơ sở, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong quá trình thực hiện chủ trương hợp nhất, nhất là trong các thời điểm trước, trong và sau hợp nhất. Người đứng đầu cấp ủy chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến của Nhân dân.

3. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam

a) Hướng dẫn và thẩm định các đề án, phương án về sắp xếp, hợp nhất các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy Đà Nẵng và Tỉnh ủy Quảng Nam và các đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc Thành ủy Đà Nẵng và Tỉnh ủy Quảng Nam tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Tham mưu các quyết định kết thúc, thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy và thành lập, sắp xếp, kiện toàn tổ chức đảng thuộc Thành ủy, sau khi có Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về thành lập Đảng bộ thành phố Đà Nẵng; sắp xếp, kiện toàn các đảng bộ phường, xã, đặc khu (mới) và các chi bộ thôn, tổ dân phố gắn với việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo tiêu chí mới.

c) Tham mưu đánh giá đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam quản lý và xây dựng phương án sắp xếp, bố trí cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm, gắn với công tác nhân sự Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 20230.

d) Tham mưu ban hành các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế và công tác cán bộ, chính sách cán bộ sau khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

đ) Tổng hợp, đánh giá tình hình sử dụng biên chế công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền của thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam để đề xuất phương án bố trí, sắp xếp sau khi hợp nhất.

e) Tham mưu một số nội dung về công tác nhân sự cấp ủy tại đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ XXIII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

g) Tham mưu phương án nhân sự Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gắn với công tác nhân sự bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

h) Tham mưu kiện toàn các tiểu ban, tổ giúp việc phục vụ Đại hội đại biểu lần thứ XXIII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

i) Tham mưu giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam

a) Đánh giá thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ hiện nay và tham mưu xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ theo Kết luận số 138-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

b) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

5. Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Nam

Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng và Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy chỉ định Ủy viên ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy phường, xã.

6. Đề nghị Ban Nội chính Thành ủy Đà Nẵng và Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Nam

Tham mưu Ban Chỉ đạo các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động trong đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhất là trong sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và sắp xếp cán bộ, tinh giản biên chế.

7. Đề nghị Văn phòng Thành ủy Đà Nẵng

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam chuẩn bị xây dựng Báo cáo chính trị văn kiện Đại hội lần thứ XXIII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 phù hợp với quy mô và định hướng phát triển sau khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

b) Tổng hợp, thống kê tài sản, phương tiện và trang thiết bị làm việc của các cơ quan tham mưu, giúp việc, báo, đài phát thanh và truyền hình địa phương, trường chính trị, các đảng ủy trực thuộc Thành ủy Đà Nẵng, Tỉnh ủy Quảng Nam và đề xuất phương án sắp xếp bố trí trụ sở làm việc, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành ủy Đà Nẵng và Tỉnh ủy Quảng Nam quản lý.

c) Tổng hợp, thống kê tài chính của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam để tham mưu bàn giao đảm bảo theo quy định.

d) Thực hiện việc số hóa hồ sơ, lập tài liệu bàn giao, lưu trữ của các cơ quan tham mưu, giúp việc, báo, đài phát thanh và truyền hình địa phương, trường chính trị, các đảng ủy trực thuộc Thành ủy Đà Nẵng và Tỉnh ủy Quảng Nam.

đ) Tham mưu kiện toàn các Tiểu ban và Tổ giúp việc phục vụ Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

e) Chuẩn bị cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

8. Đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam

a) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do HĐND tỉnh Quảng Nam và HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, nhất là các văn bản về cơ chế, chính sách đặc thù của Trung ương đối với 02 địa phương để tham mưu việc tiếp tục triển khai thực hiện và các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp, thống nhất, triển khai thực hiện ngay khi hoàn thành hợp nhất 02 địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/4/2025.

b) Rà soát, đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ ban đầu đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thay đổi lớn về địa điểm làm việc, đảm bảo quy định, tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

c) Đề xuất mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã.

9. Sở, ban, ngành của thành phố Đà Nẵng và sở, ban, ngành của tỉnh Quảng Nam

a) Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

- Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc xây dựng Phương án bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy các sở, ngành, cán bộ, công chức, viên chức, biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ quan khối chính quyền.

- Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội đảm bảo đúng lộ trình, tiến độ thời gian đảm bảo quy định.

- Hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp, phân loại đơn vị hành chính; hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công.

- Rà soát, đánh giá tổng biên chế (*khối chính quyền từ tỉnh, thành phố đến phường, xã, đặc khu và các đơn vị sự nghiệp công lập*) của 02 địa phương cụ thể về tình hình cán bộ, công chức, viên chức và số cán bộ có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, làm cơ sở để sắp xếp, phân bổ biên chế cho các cơ quan, địa phương, đơn vị sau hợp nhất.

- Khẩn trương triển khai và đảm bảo nguồn lực thực hiện số hóa tài liệu của các cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp các đơn vị hành chính theo Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Tham mưu giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng đối dư do sắp xếp đơn vị hành chính (*theo quy định của Trung ương*).

b) Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thành ủy Đà Nẵng, Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam rà soát, đề xuất trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị mình sau sắp xếp (*kể cả trụ sở của công an, quân sự; trường hợp có nhiều trụ sở thì đề xuất tên gọi cụ thể của các trụ sở*), đảm bảo khoa học, đáp ứng điều kiện làm việc, điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, quản lý địa bàn, tránh lãng phí và giảm bớt khó khăn trong việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong giai đoạn đầu hợp nhất theo định hướng của Ban Chỉ đạo Chính phủ tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025. Thống nhất chủ trương mỗi cơ quan, đơn vị tập trung bố trí tại 01 trụ sở làm việc chính.

c) Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thành ủy Đà Nẵng và Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam các cơ quan, đơn vị liên quan của 02 địa phương khẩn trương rà soát, thống kê tài chính, tài sản của 02 địa phương phục vụ công tác bàn giao, tiếp nhận khi thực hiện hợp nhất.

d) Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam rà soát, tham mưu thành lập Tổ Biên tập, xây dựng kế hoạch tăng trưởng GRDP của thành phố Đà Nẵng (mới) đạt trên 10% và triển khai xây dựng Đề án “Các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”.

đ) Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng và Sở Tài chính và Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam rà soát, thống kê danh mục các công trình, dự án cụ thể.

e) Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam tham mưu giải pháp, cơ chế đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ giải tỏa đền bù trong giai đoạn chuyển tiếp không còn tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện.

g) Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam rà soát, xây dựng phương án số hóa hồ sơ, tài liệu cơ quan hành chính các cấp theo đúng tiến độ của Ban Chỉ đạo Trung ương và hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp, đảm bảo kết nối, liên thông, tích hợp dữ liệu giữa cấp cơ sở với cấp thành phố (mới) và cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm không ngắt quãng và không gián đoạn, chậm trễ, bỏ sót nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương tại Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025.

h) Sở Ngoại vụ thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng sau sắp xếp ban hành văn bản thông báo đến các cơ quan, tổ chức và đối tác trong và ngoài nước có quan hệ hợp tác với 02 địa phương nhằm cập nhật tình hình và cam kết tiếp tục duy trì phát triển mối quan hệ hợp tác đã ký kết.

i) Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam hướng dẫn công tác tổ chức rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tham mưu hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

k) Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng phối hợp với Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam đánh giá định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và các tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị. Đồng thời, rà soát quỹ nhà ở xã hội để tham mưu bố trí nhà công vụ cho công chức sau hợp nhất.

l) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam, các sở, ngành, địa phương cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí tập trung thông tin, tuyên truyền nhằm tạo

sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp các ĐVHC. Đồng thời, hướng dẫn xác định đơn vị hành chính có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán riêng biệt; hướng dẫn việc rà soát, quản lý các di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới hoặc di tích lịch sử quốc gia đặc biệt sau sắp xếp ĐVHC.

m) Sở Y tế thành phố Đà Nẵng phối hợp với Sở Y tế tỉnh Quảng Nam hướng dẫn sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại (Trung tâm y tế quận, huyện, Trạm y tế phường, xã hiện nay). Tổ chức khám, chữa bệnh kịp thời và thông suốt không làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

n) Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam, các cơ quan liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tham mưu, hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo. Hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Khảo sát, đánh giá và xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 - 2026, đặc biệt là kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025 - 2026.

o) Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam xây dựng phương án sắp xếp, hợp nhất tổ chức bộ máy cùng tên gọi và tương đồng về chức năng, nhiệm vụ.

10. Công an thành phố Đà Nẵng và Công an tỉnh Quảng Nam

a) Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức công an tại đơn vị hành chính sau sắp xếp.

b) Giám sát phòng chống thất thoát, lãng phí; thất thoát hồ sơ, tài liệu trong quá trình xây dựng và thực hiện Đề án, nhất là trong quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng...

c) Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá, tuyên truyền sai lệch về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính; đảm bảo an toàn tuyệt đối địa bàn, không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau sắp xếp đơn vị hành chính.

d) Triển khai thực hiện việc thu hồi, cấp con dấu mới cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

11. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam

a) Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức quân đội, báo cáo Quân khu 5, Bộ Quốc phòng (trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng).

b) Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị quân đội trên địa bàn thành phố chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; phối hợp với lực lượng công an và lực lượng khác trên địa bàn giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau sắp xếp ĐVHC.

12. Bộ đội biên phòng thành phố Đà Nẵng và Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam

a) Rà soát, đề nghị công nhận đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới đất liền và biên giới biển hình thành sau sắp xếp đơn vị hành chính (nếu có).

b) Đề xuất phương án sắp xếp lại Bộ đội Biên phòng Báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng theo thẩm quyền.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kính đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương và Đảng ủy Chính phủ giữ nguyên số lượng biên chế được phân bổ của 02 địa phương như hiện nay. Đồng thời, hướng dẫn khung số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc cụ thể theo từng vị trí việc làm tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện để làm cơ sở giao, sử dụng biên chế tại các địa phương.

2. Kính đề nghị Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm cho phép đơn vị hành chính mới sau hợp nhất của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng được tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc Hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, đặc biệt là thành lập Khu thương mại tự do Đà Nẵng; xây dựng Trung tâm tài chính khu vực tại thành phố Đà Nẵng ...

3. Hiện nay, tỉnh Quảng Nam được Trung ương hỗ trợ nhiều chính sách cho miền núi. Do đó, khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng kính đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm hỗ trợ chính sách cho các xã miền núi của thành phố Đà Nẵng mới.

4. Tiếp tục triển khai cơ chế đặc thù thu hút nhà đầu tư chiến lược trong việc phát triển xã hội hóa sân bay Chu Lai, Cảng biển Kỳ Hà gắn với Sân bay Đà Nẵng và Cảng biển Liên Chiểu và tuyến đường sắt đô thị Đà Nẵng, Hội An và Tam Kỳ.

5. Hiện nay, Đà Nẵng được Bộ Chính trị, Quốc hội cho cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa theo Kết Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 01/4/2024 của Quốc hội. Do đó, khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng kính đề nghị Bộ Chính trị, Quốc

hội cho phép áp dụng các chính sách này để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với đơn vị thành phố mới.

6. Hiện nay, mỗi địa phương đã được Chính phủ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội gắn với quy hoạch đô thị. Do đó, khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành thành phố Đà Nẵng (mới), kính đề nghị Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương cho phép tiếp tục triển khai các quy hoạch nêu trên. Đồng thời, giao thẩm quyền cho địa phương (*thành phố Đà Nẵng mới*) quyết định điều chỉnh những khác biệt của mỗi địa phương đã được phê duyệt trước đây.

7. Kính đề nghị Bộ Chính trị, Chính phủ và Quốc hội cho chủ trương đề thành phố Đà Nẵng (mới) xây dựng Đề án sắp xếp, bố trí lại dân cư ở các xã miền núi có nguy cơ bị sạt lở và giao vùng đất, vùng nước cho nông dân nuôi trồng thủy sản.

Trên đây là Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định. / *Nguyễn Văn...*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- BCĐ Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh;
- BTV: Tỉnh ủy Quảng Nam; Thành ủy Đà Nẵng;
- Thường trực HĐND: tỉnh Quảng Nam; TP Đà Nẵng;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Ban Tổ chức: Tỉnh ủy Quảng Nam; Thành ủy Đà Nẵng;
- Sở Nội vụ: Tỉnh Quảng Nam, TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, SNV. 15

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trung Chinh



Phụ lục 1

**THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**
(Kèm theo Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc				Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP (giá hiện hành)	Tổng thu NSNN	Thu nhập bình quân		Xã	Phường	Đặc khu	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Hiện trạng													
1	Thành phố Đà Nẵng	1.292,31	86,16	1.318.481	131,8	151.307.026 triệu đồng	27.197.079 triệu đồng	83,60 triệu đồng/năm	47	3	12	1	16	
2	Tỉnh Quảng Nam	10.574,87	211,5	1.747.147	124,8	128.619.299 triệu đồng	27.719.628 triệu đồng	50,40 triệu đồng/năm	233	67	11	0	78	
II	Kết quả													
	Hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng để thành lập 01 thành phố trực thuộc Trung ương (giảm 01 tỉnh), lấy tên gọi là thành phố Đà Nẵng	11.867,18	791,15	3.065.628	306,56	279.926.325 triệu đồng	54.916.707 triệu đồng	65,77 triệu đồng/năm	180	70	23	1	94	

Ghi chú: Số liệu được tính đến ngày 31/12/2024. *ngphulor*



Phụ lục 2
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SAU SẮP SẮP XẾP
(Kèm Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giản theo quy định hiện hành (Theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương) ¹
	1	2	3	4
I	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	20.730	19.508	3.234
1	Cấp tỉnh và cấp huyện	19.592	18.427	3.066
1.1	Cán bộ, công chức	2.453	2.331	316
1.2	Viên chức	17.139	16.096 ²	2.750
2	Cấp xã	1.138	1.081	168
2.1	Cán bộ, công chức	1.138	1.081	168
II	TỈNH QUẢNG NAM	37.301	33.428	2.515
1	Cấp tỉnh và cấp huyện	32.187 ³	28.772	1.347
1.1	Cán bộ, công chức	4.435 ⁴	3.952	443
1.2	Viên chức	27.752	24.820 ⁵	904
2	Cấp xã	5.114	4.656	1.168
2.1	Cán bộ, công chức	5.114	4.656	1.168
	TỔNG (I) + (II)	58.031	52.936	5.749

ngheulor

¹ Bao gồm số nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác và số tính giản biên chế, thôi việc

² Đã tính 788 hợp đồng trong chỉ tiêu tại đơn vị sự nghiệp, chưa tính 3.295 viên chức hưởng lương từ nguồn tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

³ Chưa bao gồm 5.114 chỉ tiêu định mức cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn

⁴ Đã bao gồm 108 biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước dự phòng

⁵ Chưa bao gồm 2.438 viên chức nguồn tự chủ

Phụ lục 3

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG DÔI DƯ SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng)

Số TT	Tên ĐVHC cấp tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
I	Thành phố Đà Nẵng	1.681	1.681							
1	Cấp thành phố	435	435			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng
2	Cấp quận, huyện	521	521			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng
3	Cấp phường, xã	725	725			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng
II	Tỉnh Quảng Nam	2.610	2.610			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng
1	Cấp thành phố	508	508			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng
2	Cấp quận, huyện	1.702	1.702			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng
3	Cấp phường, xã	400	400			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng

ngheulor

Phụ lục 4
CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng)

Phần I. CÁC CHÍNH SÁCH BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ BỘ TÀI CHÍNH

I. LĨNH VỰC CHI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

1. Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức chi kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh;

2. Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

3. Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức chi kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh;

4. Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

5. Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 26/9/2024 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi hoạt động hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, hội thi thiết bị đào tạo tự làm và thi tay nghề trên địa bàn tỉnh.

II. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025;

2. Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

III. Lĩnh vực đảm bảo xã hội

1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

2. Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định mức chi Chúc thọ mừng thọ.

IV. LĨNH VỰC KHÁC

1. Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân theo Luật Phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

2. Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh Quy định một số mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

3. Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện kế hoạch hằng năm của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

4. Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

5. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Quảng Nam;

6. Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Phần II. CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I. LĨNH VỰC CHI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

1. Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào học tập tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

2. Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh Quy định mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông; chính sách hỗ trợ tổ chức ôn tập cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số tham dự kỳ thi trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

3. Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển văn hóa đọc cho học sinh các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025;

4. Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

5. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 26/9/2024 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm học 2024 - 2025 và năm học 2025 - 2026;

6. Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên trường Trung học phổ thông chuyên và các trường Trung học phổ thông công lập, Phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026;

7. Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2026.

II. LĨNH VỰC CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH

1. Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức thu dịch vụ và chính sách hỗ trợ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (thuốc Methadone) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

2. Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh.

III. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 12/3/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2025 - 2027.

2. Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2025.

IV. LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI

1. Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức bồi dưỡng hằng tháng, mức hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với cộng tác viên dân số, gia đình, trẻ em và nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

2. Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

3. Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025;

4. Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và các cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

5. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 24/10/2024 của HĐND tỉnh Quy định một số mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

6. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 14/8/2024 của HĐND tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ tổ chức lễ tang, phúng viếng đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam và các đối tượng có liên quan khác khi từ trần;

7. Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định đối tượng, mức thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

8. Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư trên địa bàn 9 huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, gồm các huyện: Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Tây Giang, Đông Giang, Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn.

V. CÁC LĨNH VỰC CÒN LẠI

1. Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn (KTV), kinh tế trang trại (KTTT) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025;

2. Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025;

3. Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế khuyến khích bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

4. Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên ngoài lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

5. Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh; Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025;

6. Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định chế độ thu hút, đãi ngộ đối với VĐV, HLV thành tích cao;

7. Nghị quyết số 40/2021/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức thưởng đối với tập thể, cá nhân lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh;

8. Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi tổ chức cuộc thi, hội thi, hội diễn thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

9. Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi thăm, tặng quà và hỗ trợ một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

10. Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định hỗ trợ luân chuyển, điều động cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Nguyễn Văn...



Phụ lục 5

CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (Kèm theo Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng)

Phần I. CÁC CHÍNH SÁCH BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

I. LĨNH VỰC CHI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ

1. Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

2. Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND thành phố và Nghị quyết số 47/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND thành phố Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

3. Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Quy định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

II. LĨNH VỰC CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái KNDMST trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025;

2. Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

3. Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND thành phố Quy định mức chi để lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

III. LĨNH VỰC KHÁC

1. Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố; Nghị quyết số 73/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố; Nghị quyết số 74/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố Quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

2. Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 123/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND thành phố quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố;

MỤC LỤC

PHẦN I	6
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐVHC CẤP TỈNH	6
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ	6
1. Căn cứ chính trị	6
2. Căn cứ pháp lý	7
II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	7
PHẦN II	9
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH	9
I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP	9
1. Tỉnh Quảng Nam	9
2. Thành phố Đà Nẵng	9
II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP	11
1. Tỉnh Quảng Nam	11
1.1. Vị trí địa lý	11
1.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc	11
1.3. Chức năng, vai trò	11
1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	12
1.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng	13
1.6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị	14
<i>1.6.1. Tỉnh ủy Quảng Nam và các cơ quan Đảng, đơn vị sự nghiệp và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy</i>	<i>14</i>
<i>1.6.2. Khối chính quyền</i>	<i>15</i>
<i>1.6.3. Khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</i>	<i>16</i>
<i>1.6.4. Biên chế công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao và phê duyệt năm 2025</i>	<i>16</i>
2. Thành phố Đà Nẵng	17
2.1. Vị trí địa lý	17
2.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc	17
2.3. Chức năng, vai trò	17
2.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	19

2.3.1. Về chế độ, chính sách tiền lương	37
2.3.2. Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC	37
III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	38
1. Nguyên tắc thực hiện	38
2. Phương án sử dụng tài sản công	39
2.1. Về trụ sở làm việc	39
2.2. Về trang thiết bị làm việc	40
2.3. Về xe ô tô	40
IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)	41
1. Chính sách kinh tế - tài chính	41
2. Chính sách về cán bộ, công chức, viên chức	41
3. Chính sách an sinh xã hội	42
4. Chính sách phát triển vùng đặc thù	42
V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ TỈNH QUẢNG NAM	42
1. Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam	42
2. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam	43
3. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam	43
4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam	44
5. Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Nam	44
6. Đề nghị Ban Nội chính Thành ủy Đà Nẵng và Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Nam	44
7. Đề nghị Văn phòng Thành ủy Đà Nẵng	45
8. Đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam	45
9. Sở, ban, ngành của thành phố Đà Nẵng và sở, ban, ngành của tỉnh Quảng Nam	46

10. Công an thành phố Đà Nẵng và Công an tỉnh Quảng Nam	48
11. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam	48
12. Bộ đội biên phòng thành phố Đà Nẵng và Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam	49
VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	49